

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/DS -ST.

Ngày: 12 - 7 - 2024.

V/v: “Tranh chấp mốc giới
quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Chính - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2023/TLST-TCDS ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp mốc giới quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cụ Lê Văn S, sinh năm 1930.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Đại diện theo uỷ quyền của cụ S là ông Lê Hồng P, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn:

+ Ông Lê Quốc B, sinh năm 1946.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1949.

+ Anh Lê Đức TH, sinh năm 1976.

Đều ở địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Hồng P, sinh năm 1965.

+ Ông Lê Hồng P1, sinh năm 1968.

+ Ông Lê Hồng S2, sinh năm 1973.

Đều ở địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Hồng P1 và ông Lê Hồng S2 là ông Lê Hồng P, sinh năm 1965. Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt ông P, bà T; vắng mặt ông B, anh TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn trình bày:

Hộ bà Nguyễn Thị G có thửa đất số 165, tờ bản đồ PL 13, diện tích 108m², đất vườn (CLN) thời hạn sử dụng đến 2043; địa chỉ: T, P, Hà Nam đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/7/2006 mang tên hộ cụ Nguyễn Thị G (sau đây gọi là thửa 165), nhưng cụ G đã chết. Nay cụ Lê Văn S là chồng đang quản lý, sử dụng cùng các con Lê Hồng P, Lê Hồng P1, Lê Hồng S2.

Quá trình sử dụng, đến tháng 9/2023 thì phát hiện gia đình ông Lê Quốc B, vợ là bà Nguyễn Thị T, con trai là anh Lê Đức TH đã xây nhà cấp bốn và bếp ăn lợp mái tôn trên phần đất lấn chiếm tại thửa 165 diện tích khoảng 6,25m²; chiều dài là 7,27m, chiều rộng là 0,96m về phía đông của thửa đất, 0,76m về phía Nam của thửa đất. Khi phát hiện hộ ông Lê Quốc B xây dựng lấn chiếm sang thửa 165 thì gia đình đã hai lần báo chính quyền địa phương về việc hộ ông B xây lấn sang phần đất của thửa 165. Chính quyền địa phương đã yêu cầu hai hộ lên làm việc, cả hai lần hộ ông Bảo đều thừa nhận đã xây lấn sang thửa đất 165 và đề nghị trả bằng tiền nhưng gia đình cụ Soai không nhất trí. Nay gia đình ông Lê Quốc B vẫn chưa tháo dỡ công trình đã xây dựng lấn sang thửa đất 165 để trả lại đất cho hộ bà Nguyễn Thị G (bà G đã chết) nay cụ Lê Văn S là chồng cụ G khởi kiện yêu cầu Toà án buộc gia đình ông Lê Quốc B tháo dỡ công trình đã xây dựng lấn chiếm sang thửa đất mang tên hộ bà G và trả lại nguyên trạng đất cho hộ cụ S phần đất đã lấn chiếm.

Quan điểm trình bày của bà Nguyễn Thị T: Gia đình bà có thửa đất 167, tại Đ, T, P, Hà Nam, diện tích 750m² trong đó đất ở là 315m² và 435m² đất vườn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/01/2005 mang tên hộ ông Lê Quốc B, thửa đất này giáp với thửa đất số 165 nhà cụ G, cụ S về phía Đông khoảng 10m chiều dài. Quá trình sử dụng đất năm 2010 ông bà tách thửa cho con trai là anh Lê Đức TH một phần đất diện tích 375 m². Ngày 30 tháng 6 năm 2010 được Ủy ban nhân dân thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Đức TH tại thửa 290. Ông B và bà T tiếp tục sử dụng phần đất còn lại là 375m², tại thửa 167, địa chỉ thửa đất: Đ, T, P, Hà Nam (sau đây gọi là thửa 167). Năm 2012 gia đình bà xây nhà và công trình phụ trên thửa đất 167, đến năm 2023 công trình phụ bị sứt lún, gia đình bà sửa lại thì gia đình cụ S có ý kiến về việc: đã xây công trình phụ lấn sang

phần đất của cụ S tại thửa 165 khoảng hơn 6m² đất vườn. Hai bên đã ra phường hoà giải, kết quả hộ bà T lấn sang thửa đất 165 là khoảng hơn 6m², hộ bà T đề nghị thanh toán bằng tiền cho hộ cụ S đối với 6m² đất nhưng gia đình cụ S không đồng ý và gửi đơn ra Toà. Tại buổi hoà giải tại toà đôi bên thống nhất gia đình bà T tháo dỡ để trả lại nguyên trạng đất cho nhà cụ S. Sau buổi hoà giải tại Toà, gia đình bà T đã tháo dỡ phần công trình đã xây dựng như khung sắt, mái tôn công trình phụ xây trên phần đất nhà cụ S và gọi ông P đến để nhận đất song ông P là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không đến. Chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy, định giá tài sản gia đình bà đồng ý hoàn trả cho gia đình cụ S (giao cho ông P nhận) số tiền là 5.758.000đ và yêu cầu nguyên đơn rút đơn khởi kiện nhưng ông P vẫn không chấp nhận. Nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện thì bà, ông Bảo đề nghị giải quyết theo pháp luật.

- Quan điểm của ông Lê Quốc B đồng quan điểm với bà Nguyễn Thị T.

- Quan điểm trình bày của anh Lê Đức TH: Đồng ý với quan điểm của bà Nguyễn Thị T và gia đình đã tháo dỡ phần khung sắt và mái tôn công trình đã xây dựng sang thửa đất 165 và gọi ông P đến để nhận đất nhưng ông P không đến. Nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh đề nghị Toà án xem xét, giải quyết theo pháp luật.

- Tại biên bản định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ cùng ngày 12/4/2024 thì kết quả như sau: 6m² đất vườn tại thửa đất số 165, tờ bản đồ PL 13, tại Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam có giá trị là 510.000đ, tài sản trên đất có giá trị là 3.605.000đ. Tổng giá trị đất và tài sản trên phần đất đang có tranh chấp là 4.115.000đ. Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc bằng máy và định giá hết số tiền là số tiền là 5.758.000đ (ông P đã thanh toán xong số tiền này).

* Tại phiên tòa:

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đề nghị: Do phía bị đơn mới tháo dỡ một phần xây dựng, còn từ phần móng sâu gần 2m và đất nền chưa hoàn trả hiện trạng ban đầu của thửa đất số 165, chưa thu hồi hết nguyên vật liệu, bốc hót đất đã san nền nên giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông B, bà T; cũng không nhất trí hoà giải với bị đơn. Tuy nhiên bên nguyên đơn chấp nhận kết quả đo đạc hiện trạng ngày 12/4/2024 nên rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh Lê Đức TH vì anh TH không liên quan đến nội dung tranh chấp.

Bà Nguyễn Thị T đề nghị: sau khi Toà án hoà giải, gia đình đã tháo dỡ xong gọi ông Phi đến để nhận đất song ông P không đến, nay đề nghị bàn giao cả phần móng và 6m² đất cho bên nguyên đơn, nếu vẫn không nhất trí thì giải quyết theo pháp luật. Đồng thời, theo đo đạc hiện trạng ngày 12/4/2024 và đối chiếu với giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất đã cấp sau khi ông bà tách thửa cho anh TH thì thửa đất của anh TH không liên quan đến phần đất đang có tranh chấp với cụ S, không liên quan đến mốc giới với thửa 165; công trình phụ phải tháo dỡ là của ông B, bà T nên cũng không liên quan đến anh TH.

Trong đơn xử vắng mặt anh TH đề nghị: Toà án xem xét vì thửa đất 290 mang tên anh không liên quan gì đến thửa đất 165 của cụ G và cụ S, phần công trình phụ liên quan đến 6m² đang tranh chấp là công trình vật kiến trúc của ông B, bà T xây dựng gắn liền với thửa 167. Nay anh không liên quan gì đến mốc giới của thửa 165, phần công trình phụ phải tháo dỡ là tài sản của ông B và bà T nên xin Toà quyết định theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là: HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 157, 165, 184, 185, 227, 228, khoản 2 Điều 244, 271, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 12, 100, 166, 170 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 155, 164, 166, 175, 176, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đình chỉ xét xử sơ thẩm về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với anh Lê Đức TH.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Văn S đối với ông Lê Quốc B và bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông B, bà T, tháo dỡ thu hồi vật liệu móng công trình phụ và bếp xây trên đất 6m² đất vườn tại thửa 165 (kích thước 0,97m rộng, và 0,77m rộng; dài 7,27m và 7,23m của hộ cụ S, trả lại hiện trạng đất vườn cho cụ S đủ theo giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất đã cấp là 108m². Đương sự phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định của pháp luật. Cụ S được miễn tạm ứng án phí nên Tòa án không phải xử lý tạm ứng án phí. Đề nghị Tòa xét đơn miễn án phí của ông B bà T theo pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện thì tranh chấp giữa Cụ Nguyễn Văn S và ông Lê Quốc B, bà Nguyễn Thị T thuộc tranh chấp mốc giới liên quan về quyền sử dụng đất; bị đơn có nơi cư trú tại Đ, T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013 thì tranh chấp dân sự nêu trên thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Nội dung tranh chấp trong vụ án liên quan đến quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai năm 2013. Căn cứ quy định tại các Điều 155, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 184, 185 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Ông Bả anh TH vắng mặt có lý do và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt và công bố lời khai là đúng pháp luật.

[4] Về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh Lê Đức TH là tự nguyện, phù hợp với chứng cứ đã thu thập nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với phần đã rút của nguyên đơn

*Về nội dung:

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Văn S đối với vợ chồng ông Lê Quốc B, bà Nguyễn Thị T về việc: Kiện đòi diện tích 6m² đất vườn tại thửa đất số 165, tờ bản đồ PL số 13, tại địa chỉ: Đ, T, thành phố P, tỉnh Hà Nam, HĐXX thấy rằng: Các bên đương sự đều xác nhận kết quả đo đạc bằng máy ngày 12/4/2024 về diện tích, vị trí, kích thước đối với hai thửa đất 165 chủ sử dụng hộ cụ S và thửa 167 hộ bà T, ông B. Các bên cũng xác nhận việc bà T, ông B đang sử dụng xây công trình phụ, bấp sang 6m². Các bên cũng chấp nhận kết quả thì kết quả định giá tài sản như sau: 6m² đất vườn tại thửa đất số 165, tờ bản đồ PL 13, tại Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam có giá trị là 510.000đ, tài sản trên đất có giá trị là 3.605.000đ. Tổng giá trị đất và tài sản trên phần đất đang có tranh chấp là 4.115.000đ. Tổng chi phí xem

xét thẩm định tại chỗ đo đạc bằng máy và định giá hết số tiền là 5.758.000đ. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự các nội dung này Tòa không phải chứng minh. Các bên cũng xác định rõ nghĩa vụ phải thực hiện và bị đơn thực hiện tự nguyện tháo dỡ công trình xây trên đất của thửa 165 để trả đất và xác định mốc giới của thửa 165 và 167 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là phù hợp Điều 166 Luật đất đai 2013. Tuy nhiên; tại phiên tòa bà T xác nhận: còn phần móng sâu khoảng hơn 1,5 m và đất san nền trên diện tích đất 6m² chưa tháo dỡ, thu hồi là chưa thực hiện xong nghĩa vụ. Tại phiên tòa bà T đề nghị bàn giao đất và móng công trình đã xây cho nguyên đơn sở hữu, sử dụng trên phần đất vườn 6m² để bà và ông B không phải tháo dỡ nữa nhưng nguyên đơn không đồng ý. Mặt khác phần móng và san nền xây dựng trên đất vườn (CLN) là không đúng quy định của pháp luật về đất đai và xây dựng. Do đó, đối chiếu các Điều 12, 100, 166, 170 Luật đất đai 2013; Các Điều, 163, 164, 166, 175 Bộ luật Dân sự 2015 cần chấp nhận yêu cầu kiện của cụ S đối với ông B, bà T: Buộc ông B, bà T thực hiện tháo dỡ phần móng, thu hồi vật liệu, đất san nền trả lại nguyên trạng đất vườn cho cụ S. Các bên đương sự đã tự thống nhất chấp nhận mốc giới giữa thửa 165 và 167 theo đúng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là đúng quy định của Luật đất đai, Điều 176 Bộ luật Dân sự 2015 cần chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Căn cứ các Điều 157; 158; 165; 166 Bộ luật Tố tụng dân sự: Toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy, định giá tài sản của vụ án ông Lê Hồng Pi đã thanh toán là 5.758.000đ, vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải nộp theo quy định của pháp luật trả lại cụ S. Chấp nhận bà T tự nguyện nộp thay cả phần của ông B (giao trả tiền cho ông P nhận).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải nộp án phí; nhưng xét đơn xin miễn án phí của ông B, bà T thuộc trường hợp là người cao tuổi, đồng thời là thương binh (người có công với Cách mạng) nên đủ căn cứ miễn án phí cho ông B, bà T.

Cụ S được miễn nộp tạm ứng án phí sơ thẩm khi thụ lý vụ án nên Tòa không phải xử lý tạm ứng án phí.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 157, 165, 184, 185, 227, 228, khoản 2 Điều 244, 271, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 12, 100, 166, 170 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 155, 164, 166, 175, 176, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện đã rút của nguyên đơn đối với anh Lê Đức TH.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Lê Quốc B, bà Nguyễn Thị T:

Buộc ông B, bà T, tháo dỡ thu hồi vật liệu móng công trình phụ và bếp xây trên 6m² đất vườn (CLN), thời hạn sử dụng 2043. (kích thước giáp thửa 167 dài 7,27m; giáp thửa 165: dài 7,24m; giáp thửa 136 rộng 0,97m, và giáp thửa 166 rộng 0,77m; trả lại hiện trạng đất CLN cho cụ S đủ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp tại thửa 165 tờ bản đồ PL13 tại Đ, T, P, Hà Nam là 108m²).

Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định mốc giới quyền sử dụng đất giữa thửa 165 và 167 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các bên. (có trích lục đo đạc hiện trạng số 38/2024-ĐĐCL, tỷ lệ 1/500 lập ngày 12/4/2024 kèm theo bản án).

3. Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

4. Chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Chấp nhận sự tự nguyện của bà T xin nộp toàn bộ số tiền là 5.758.000đ để hoàn trả nguyên đơn (ông P đại diện theo uỷ quyền nhận tiền).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí đối với ông B và bà T. Cụ S được miễn nộp tạm ứng án phí sơ thẩm khi thụ lý vụ án nên Tòa không phải xử lý tạm ứng án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa và thời điểm tuyên án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thực hiện quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo pháp luật quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà.**

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Mai Oanh